TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2023
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Nguyễn Thị Phương Nga

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Phùng Văn Huấn- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐHPTST-DS ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn K (nay là K), xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Bị đơn : Chị Mạc Thị Bích N, sinh năm 1996; ĐKHKTT: Thôn K (nay là Kim Độ L), xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Anh H *có mặt; chị* N *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Mạc Thị Bích N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/10/2020. Sau khi cưới anh chị sống cùng bố mẹ anh ở xã H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến việc thường xuyên cãi vã nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị N đã về nhà bố để đẻ ở xã A. Nay, anh nhận thấy giữa anh chị thực sự không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đã sống ly thân và đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

Về con chung: Anh chị không có con chung, hiện chị N cũng không mang thai nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh H xác định anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu giải quyết. Anh trình bày anh có 01 chiếc xe ô tô hiệu ELANTRA, biển kiểm soát 34A-403.45 là tài sản riêng của anh. Nguồn tiền mua xe ô tô trên là do anh vay của bố mẹ đẻ 750.000.000đ. Khi giao dịch mua xe cũng là do bố me anh giao dịch và trực tiếp trả tiền. Nếu chị N xác định đây là tài sản chung và đề nghị Tòa án chia tài sản thì anh sẽ yêu cầu giải quyết về số nợ trên. Anh đã xuất trình cho Tòa án giấy tờ xe cũng như giấy vay nợ. Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản, việc vay nợ giữa anh và bố mẹ anh anh tự giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị chị N trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/10/2020. Sau khi cưới anh chị sống tại gia đình anh H ở xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa anh chị tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên thờ ơ lạnh nhạt dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Việc chữa chạy để có con cũng làm chị bị áp lực trong cuộc sống. Chị cũng đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A từ cuối năm 2022. Nay, anh H làm đơn ly hôn chị nhất trí ly hôn vì giữa anh chị không còn tình cảm vợ chồng, đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh chị không có con chung, hiện chị cũng không mang thai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc xe ô tô trị giá khoảng 600.000.000đ mà hiện anh H đang sử dụng và đứng tên đăng ký anh H. Khi mua xe chị đang đi làm nên không trực tiếp giao dịch mua xe nhưng chị được biết mua xe với giá 750.000.000đ. Chị chỉ biết mua của anh chị em ruột anh H còn xe lúc đó đứng tên người khác. Nguồn tiền mua xe là tiền của vợ chồng do chị và anh H cùng làm ăn mà có, lúc mua xong chị không được biết đến khoản nợ nào. Nay H nói vay bố mẹ đẻ anh H 750.000.000đ để mua xe là không đúng. Chị đề nghị Toà án pho tô cho chị các tài liệu mà anh H xuất trình về chiếc xe trên để chị có căn cứ yêu cầu chia tài sản.

Lời khai của ông N1 (bố đẻ anh H) trình bày: Anh H và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 2020. Sau khi cưới anh H, chị N ở với gia đình ông tại xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì lớn hay không ông không nắm được. Ông chỉ biết khi anh chị chữa trị việc sinh con thì có xích mích nhau, chị N có chuyện gì đó giấu anh H lý do không có con. Gia đình ông cùng anh H, chị N cố gắng về thời gian, tiền bạc để chữa cho anh chị có con nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống với nhau được khoảng 02 năm thì ly thân, chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở An Lâm sinh sống mà không nói gì với gia đình ông. Kể từ khi về nhà bố mẹ đẻ đến nay chị N không còn hỏi han, quan tâm gì đến gia đình ông nữa. Ngoài ra, còn mâu thuẫn gì khác hay không ông không nắm được. Nay

anh H làm đơn xin ly hôn chị N ông và gia đình không có ý kiến gì. Việc ly hôn là do anh chị ấy tự quyết định. Nếu anh H kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết cho anh H ly hôn chị N để anh chị ấy sớm ổn định cuộc sống.

Lời khai của ông Mạc Đức H1 (bố đẻ chị N): Ông được biết giữa anh H và chị N có mâu thuẫn nhau trong cuộc sống. Anh H gây áp lực cho chị N trong vấn đề công việc cũng như sinh con nên giữa vợ chồng không có hạnh phúc. Chị N đã về nhà ông sinh sống từ cuối năm 2022 nhưng hiện chị N đã đến tỉnh Bắc Ninh làm việc nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể của chị ở đâu, gia đình chủ yếu liên lạc với chị N qua điện thoại. Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị N ông không có ý kiến gì, việc ly hôn do anh chị ấy tự quyết định. Ông đã thông báo cho chị N các văn bản của Tòa án giao gửi tuy nhiên chị N nói không về, anh H làm đơn xin ly hôn thì anh Hoàng t giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh H, chị N có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn gì hay không UBND xã không nắm được vì anh H khi làm đơn xin ly hôn chị N không không yêu cầu hòa giải cơ sở. Địa phương chỉ nắm được hiện chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã A còn anh H vẫn ở thôn K, xã H cùng bố mẹ đẻ. Anh H làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh H có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N; Anh chị không có con chung và hiện chị N không mang thai nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản riêng, nợ riêng anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Mạc Thị Bích N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, X cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Mạc Thị Bích N; về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí*:* Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách giải quyết việc hôn nhân của anh với chị Mạc Thị Bích N; chị N có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có đến Tòa án làm việc và đã xuất trình cho Tòa án bản tự khai, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị N về quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh H. Tuy nhiên, sau đó chị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản như thông báo, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho chị N, người thân của chị N tuy nhiên chị N đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho chị N nhưng chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị N là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H và chị Mạc Thị Bích N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBNDxã H, huyện N, tỉnh Hải Dương vào năm 2020. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau nhiều lần được gia đình hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 và hiện tại chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, huyện N sinh sống. Tại bản tự khai chị N xác định anh H lạnh nhạt với chị, anh H gây áp lực cho chị trong vấn đề chữa chạy con cái. Anh H, chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay anh H xin ly hôn chị N nhất trí lý hôn. Xét thấy, anh H, chị N không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà hôm nay, chị N vắng mặt nên HĐXX xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Mạc Thị Bích N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N, anh H không có con chung, hiện chị N cũng không mang thai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh H xác định anh chị không có tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết. Anh trình bày anh có 01 chiếc xe ô tô hiệu ELANTRA, biển kiểm soát 34A-403.45 là tài sản riêng của anh. Nguồn tiền mua xe là do anh vay của bố mẹ đẻ 750.000.000đ. Nếu chị N xác định đây là tài sản chung và đề nghị Tòa án chi tài sản thì anh sẽ yêu cầu giải quyết về số nợ trên. Chị N xác định vợ chồng có tài sản chung là chiếc xe 01 chiếc xe ô tô trị giá khoảng 600.000.000đ mà hiện anh H đang sử dụng và đứng tên đăng ký anh H. Khi mua chị được biết mua xe với giá 750.000.000đ, chị đề nghị Tòa án cho sao chụp tài liệu để chị có đơn và

quan điểm về việc chia tài sản chung này. Tuy nhiên, sau khi sao chụp tài liệu xong, chị có đơn đề nghị vắng mặt tại Tòa án khi nhận được giấy triệu tập và trình bày sẽ có văn bản ý kiến gửi Tòa án về quan hệ vợ chồng cũng như tài sản nhưng Tòa án không nhận được bất kỳ một ý kiến bằng văn bản nào của chị N về vấn đề trên. Tòa án gửi giấy triệu tập, thông báo cho chị N để yêu cầu chị N có ý kiến về vấn đề tài sản nhưng chị N không có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản. Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản do đó, HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp, các đương sự sau này có yêu cầu giải quyết về tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh H xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227, 271; 273Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H

- *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Mạc Thị Bích N

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001576 ngày 16/02/2023của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Anh H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Nam Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Nam Sách;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hiệp Cát, huyện Nam Sách để lưu hộ tịch;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Điệp